

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-30
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-30

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 16 tháng 08 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hồng	Ủy viên	
Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Hùng	Ủy viên	
Ông Đỗ Văn Hợi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/03/2011

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/03/2011
Ông Đào Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/02/2011
Ông Nguyễn Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/02/2011
Bà Lê Thị Xuân	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đào Thị Kim Loan	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Trần Nam Bắc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.



Số: 256 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được lập ngày 08 tháng 02 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Ngô Đức Đoàn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1369/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		421,119,332,834	527,828,623,459
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15,796,998,271	26,789,383,956
111	1. Tiền		4,300,197,099	16,789,383,956
112	2. Các khoản tương đương tiền		11,496,801,172	10,000,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	639,790,000	1,748,460,000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1,372,190,000	2,060,590,000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(732,400,000)	(312,130,000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		97,485,547,941	81,725,734,928
131	1. Phải thu của khách hàng		74,921,841,854	64,970,302,857
132	2. Trả trước cho người bán		8,256,717,706	3,386,279,287
135	5. Các khoản phải thu khác	5	14,474,119,519	13,536,283,922
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(167,131,138)	(167,131,138)
140	IV. Hàng tồn kho	6	293,410,851,908	400,983,093,282
141	1. Hàng tồn kho		306,343,424,615	400,983,093,282
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12,932,572,707)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13,786,144,714	16,581,951,293
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		693,729,448	420,473,700
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5,070,205,786	14,990,434,929
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	8,022,209,480	1,171,042,664
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		152,882,866,923	119,152,887,067
220	II. Tài sản cố định		138,449,022,958	104,177,401,895
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	76,364,902,935	58,385,543,719
222	- Nguyên giá		109,746,286,385	84,310,063,675
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33,381,383,450)	(25,924,519,956)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	9,169,188,651	9,171,688,647
228	- Nguyên giá		9,189,063,636	9,189,063,636
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19,874,985)	(17,374,989)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	52,914,931,372	36,620,169,529
260	V. Tài sản dài hạn khác		14,433,843,965	14,975,485,172
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	13,975,389,483	13,944,589,068
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.2	458,454,482	1,030,896,104
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		574,002,199,757	646,981,510,526

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		259,711,883,401	314,238,496,965
310	I. Nợ ngắn hạn		259,489,387,563	314,027,101,127
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	180,206,343,803	260,978,987,810
312	2. Phải trả người bán		58,892,699,682	34,037,271,564
313	3. Người mua trả tiền trước		351,377,303	557,681,196
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	11,417,192,150	9,186,857,365
315	5. Phải trả người lao động		1,780,457,073	1,567,505,690
316	6. Chi phí phải trả	14	565,925,682	1,727,979,439
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	751,514,732	48,790,925
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5,523,877,138	5,922,027,138
330	II. Nợ dài hạn		222,495,838	211,395,838
333	3. Phải trả dài hạn khác		189,870,306	178,770,306
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		32,625,532	32,625,532
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		303,812,597,841	322,172,539,072
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	303,812,597,841	322,172,539,072
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		199,999,930,000	199,999,930,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		78,067,482,550	78,067,482,550
414	4. Cổ phiếu quỹ		(22,910,999,000)	(12,110,636,000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(371,219,530)	2,878,634,209
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		17,009,247,915	17,009,247,915
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		14,578,260,521	14,578,260,521
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17,439,895,385	21,749,619,877
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		10,477,718,515	10,570,474,489
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		574,002,199,757	646,981,510,526

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		312,638.68	99,862.62

Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Hiền
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**
Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1,447,843,658,642	1,550,816,687,580
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,447,843,658,642	1,550,816,687,580
11	4. Giá vốn hàng bán	18	1,364,100,055,159	1,457,013,746,790
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		83,743,603,483	93,802,940,790
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	4,269,751,248	2,765,369,693
22	7. Chi phí tài chính	20	39,183,276,595	26,250,452,695
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		28,138,925,529	20,398,324,097
24	8. Chi phí bán hàng	21	4,430,123,344	2,937,042,844
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	12,762,210,955	11,068,969,812
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		31,637,743,837	56,311,845,132
31	11. Thu nhập khác	23	1,015,036,499	406,219,404
32	12. Chi phí khác	24	2,205,455,949	1,754,710,754
40	13. Lợi nhuận khác		(1,190,419,450)	(1,348,491,350)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30,447,324,387	54,963,353,782
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.1	4,386,930,431	12,785,981,447
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25.2	572,441,622	(7,087,623)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		25,487,952,334	42,184,459,958
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(170,955,176)	85,657,068
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>25,658,907,510</u>	<u>42,098,802,890</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1,388	2,744


Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Tuấn Hiền
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30,447,324,387	54,963,353,782
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		7,589,775,510	6,974,589,291
03	Các khoản dự phòng		13,352,842,707	479,261,138
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3,109,933,601)	(1,460,382,936)
06	Chi phí lãi vay		28,138,925,529	20,398,324,097
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		76,418,934,532	81,355,145,372
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(5,992,481,865)	63,437,678,185
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		94,639,668,667	(138,810,150,615)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		25,298,177,209	(116,173,959,129)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(304,056,163)	(9,738,010,382)
13	Tiền lãi vay đã trả		(28,810,495,339)	(20,646,686,069)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2,660,128,037)	(14,954,704,274)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3,207,219,765	1,311,223,433
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7,051,764,242)	(2,357,342,224)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		154,745,074,527	(156,576,805,703)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(45,595,480,782)	(34,032,729,513)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		90,909,091	236,000,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(65,929,000,000)	(41,490,590,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		64,670,000,000	37,430,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(666,690,000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		651,750,000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4,870,509,569	1,460,382,936
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(41,908,002,122)	(36,396,936,577)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	176,828,884,500
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(10,800,363,000)	(12,110,636,000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		423,137,128,602	546,936,171,827
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(506,529,304,261)	(467,406,130,558)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29,599,662,150)	(30,885,493,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(123,792,200,809)	213,362,796,769

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(10,955,128,404)	20,389,054,489
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	26,789,383,956	6,411,497,828
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(37,257,281)	(11,168,361)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<u>15,796,998,271</u>	<u>26,789,383,956</u>

Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Hiền
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 16 tháng 08 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 375.997.100.000 VND. Tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Thôn Bắc Hà, Xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 08	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" thì các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 371.219.530 đồng sẽ được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm 2011.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi đầu tư số 09/UĐĐT-UB ngày 05/03/2004 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ khi Công ty con có thu nhập chịu thuế đầu tiên (Công ty con có thu nhập chịu thuế từ năm 2007) và chỉ được ưu đãi về thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất của Công ty con.

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên được giảm 30% áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	108,424,000	261,981,103
Tiền gửi ngân hàng	4,191,773,099	16,527,402,853
Các khoản tương đương tiền	11,496,801,172	10,000,000,000
	15,796,998,271	26,789,383,956

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	1,372,190,000	2,060,590,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(732,400,000)	(312,130,000)
	639,790,000	1,748,460,000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	-	1,017,133,334
Phải thu về tiền gốc cho vay	13,759,000,000	12,500,000,000
Phải thu khác	715,119,519	19,150,588
	14,474,119,519	13,536,283,922

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	132,498,164,335	278,748,404,900
Công cụ, dụng cụ	7,739,999	-
Thành phẩm	39,123,886,993	20,789,378,194
Hàng hoá	134,713,633,288	101,445,310,188
Cộng giá gốc hàng tồn kho	306,343,424,615	400,983,093,282
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12,932,572,707)	-
Cộng	293,410,851,908	400,983,093,282

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	1,555,807,325	1,161,042,664
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	6,466,402,155	10,000,000
	8,022,209,480	1,171,042,664

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	28,624,784,385	37,911,434,492	17,548,240,834	225,603,964	-	84,310,063,675
Số tăng trong năm	4,039,971,818	16,367,674,637	5,290,000,000	-	-	25,697,646,455
- Mua sắm mới	3,509,090,909	16,292,674,637	5,290,000,000	-	-	25,091,765,546
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	530,880,909	-	-	-	-	530,880,909
- Tặng khác	-	75,000,000	-	-	-	75,000,000
Số giảm trong năm	-	(57,061,364)	(191,610,000)	(12,752,381)	-	(261,423,745)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(57,061,364)	(191,610,000)	(12,752,381)	-	(261,423,745)
Số dư cuối năm	32,664,756,203	54,222,047,765	22,646,630,834	212,851,583	-	109,746,286,385
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	7,311,154,007	14,530,465,175	3,938,915,878	143,984,896	-	25,924,519,956
Số tăng trong năm	1,997,991,781	3,579,632,166	1,986,329,928	23,321,639	-	7,587,275,514
- Trích khấu hao	1,997,991,781	3,579,632,166	1,986,329,928	23,321,639	-	7,587,275,514
Số giảm trong năm	-	(50,592,538)	(69,192,500)	(10,626,982)	-	(130,412,020)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(50,592,538)	(69,192,500)	(10,626,982)	-	(130,412,020)
Số dư cuối năm	9,309,145,788	18,059,504,803	5,856,053,306	156,679,553	-	33,381,383,450
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	21,313,630,378	23,380,969,317	13,609,324,956	81,619,068	-	58,385,543,719
Số dư cuối năm	23,355,610,415	36,162,542,962	16,790,577,528	56,172,030	-	76,364,902,935

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	9,168,563,636	20,500,000	9,189,063,636
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	9,168,563,636	20,500,000	9,189,063,636
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	17,374,989	17,374,989
Số tăng trong năm	-	2,499,996	2,499,996
- Trích khấu hao	-	2,499,996	2,499,996
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	19,874,985	19,874,985
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	9,168,563,636	3,125,011	9,171,688,647
Số dư cuối năm	9,168,563,636	625,015	9,169,188,651

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	36,620,169,529	14,031,564,554
Số tăng trong năm	36,757,530,684	34,709,035,940
Số đã kết chuyển tăng tài sản cố định trong năm	(20,418,884,841)	(11,950,313,415)
Giảm khác	(43,884,000)	(170,117,550)
Số dư cuối năm	52,914,931,372	36,620,169,529

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	32,706,960,317	11,634,622,774
- Công trình Đèn Lù	4,726,696,703	4,526,696,703
- Xây dựng xưởng Hải Phòng	20,000,000	20,000,000
- Công trình Lai Cách - Hải Dương	200,000,000	200,000,000
- Nhà xưởng 5 - Hưng Yên	71,576,858	62,298,270
- Nhà trưng bày sản phẩm - Hưng Yên	127,136,868	47,272,728
- Nhà 5 tầng	5,862,748,655	-
- Nhà 3 tầng	3,950,018,681	-
- Xây dựng nhà xưởng 1 - Hải Phòng	6,347,349,673	2,745,971,875
- Xây dựng nhà xưởng 2 - Hải Phòng	11,401,432,879	4,032,383,198
Mua sắm tài sản cố định	20,207,971,055	24,410,781,846
- Máy ép tấm nhựa bọc nhôm	4,777,123,232	4,067,140,000
- Máy ép tấm nhựa PC	5,155,591,379	4,748,240,000
- Máy ép tấm nhựa PC. S phẳng	7,880,302,439	-
- Chi phí lắp đặt 3 máy ép	139,226,731	-
- Máy cắt xả tôn	-	9,059,607,981
- Máy cắt xén tôn	-	6,535,793,865
- Ô tô	2,255,727,274	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	574,764,909
- Sửa chữa nhà 309 Tam Trinh	-	574,764,909
	<u>52,914,931,372</u>	<u>36,620,169,529</u>

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	13,944,589,068	4,539,154,957
Số tăng trong năm	1,761,901,985	11,150,262,740
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(1,731,101,570)	(1,744,828,629)
Số dư cuối năm	<u>13,975,389,483</u>	<u>13,944,589,068</u>

Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí giai đoạn triển khai (*)	1,811,132,278	1,935,109,093
Giá trị quyền thuê đất góp vốn	10,500,000,000	10,500,000,000
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1,188,129,372	1,408,312,367
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	57,086,249	43,107,563
Chi phí trả trước dài hạn khác	419,041,584	58,060,045
	<u>13,975,389,483</u>	<u>13,944,589,068</u>

(*) Đây là các khoản chi phí như: chi phí san nền, chi phí đền bù đất đai, hoa màu và các khoản chi phí khác mà Công ty đã chi ra để có mặt bằng xây dựng nhà máy trên đất thuê của Nhà nước. Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo số năm thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	180,206,343,803	260,978,987,810
- Vay ngân hàng	178,934,699,851	259,869,618,612
- Vay cá nhân	1,271,643,952	1,109,369,198
	180,206,343,803	260,978,987,810

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	15,038,628,292	28,307,113,700
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hưng Yên ⁽²⁾	29,454,989,675	70,765,775,570
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên ⁽³⁾	45,469,373,899	25,576,970,169
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽⁴⁾	88,971,707,985	85,824,440,993
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai (5)	-	49,395,318,180
Vay cá nhân	1,271,643,952	1,108,186,218
Vay công đoàn Công ty	-	1,182,980
	180,206,343,803	260,978,987,810

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1116800015 ngày 27/10/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng tối đa 60 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn duy trì hạn mức đến hết 31/05/2012, Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 5 tháng;
- + Lãi suất cho vay theo từng lần nhận tiền vay và được quy định trên từng giấy nhận nợ (lãi suất tại thời điểm 31/12/2011 là 8%/năm đối với vay USD);
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản là máy móc, thiết bị, hàng tồn kho hình thành từ vốn vay và tài sản đảm bảo của bên thứ 3.

(2) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số LD1015300007 ngày 02/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 90 tỷ đồng bao gồm cả số dư nợ vay (nếu có) của hợp đồng tín dụng hạn mức số LD0835100009 ngày 16/12/2008 và các sửa đổi bổ sung;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất cho vay được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo thông báo của Ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ; Lãi suất đang áp dụng tại 31/12/2011 là 7% đến 9,2% năm (đối với khoản vay USD);
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản bảo đảm là toàn bộ hệ thống nhà xưởng, nhà văn phòng, kho bãi, đường nội bộ, các công trình phụ, ... và các tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

- (3) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 11.0131/VCB.HY ngày 26/05/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: rút vốn trong thời gian tối đa 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày rút vốn
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất đang áp dụng tại 31/12/2011 là 17%/năm (với khoản vay VNĐ), 6,5%/năm (với khoản vay USD) và 4,5%/năm (với khoản vay EUR);
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 08.0058/TC-NHNT.HY ngày 23/12/2008 (của bên vay), hợp đồng thế chấp số 08.0058/TC-NHNT.HY ngày 23/12/2008 (của bên thứ ba)
- (4) Hợp đồng tín dụng số PT12011/HĐTD-HM ngày 02/08/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng tối đa 150 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011-2012;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày 02/08/2011 đến hết ngày 30/06/2012; Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: là lãi suất hàng năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ. Tại thời điểm 31/12/2011 lãi suất là 19,45%/năm với vay VNĐ và 9,7%/năm với vay USD;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo. Áp dụng biện pháp bổ sung, tài sản thế chấp là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 309 Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Hợp đồng tín dụng số PTHY12011/HĐTD-HM ngày 01/07/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho quá trình sản xuất kinh doanh năm 2011-2012;
- + Thời hạn hợp đồng 12 tháng, kể từ ngày 01/07/2011 đến hết ngày 30/06/2011; Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 6 tháng
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, quy định trong từng giấy nhận nợ. Lãi suất đang áp dụng tại 31/12/2011 là 19,5%/năm (với khoản vay VNĐ), 9%/năm (với khoản vay USD);
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản bảo đảm bổ sung bằng cầm cố sổ tiết kiệm của công ty gửi tại Chi nhánh Hoàng Mai với số dư ban đầu 10 tỷ đồng.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VNĐ	VNĐ
Thuế Giá trị gia tăng	1,173,446,134	3,339,838
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	360,473,858	425,634,479
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9,848,300,667	8,121,498,273
Thuế Thu nhập cá nhân	34,971,491	636,384,775
	<u>11,417,192,150</u>	<u>9,186,857,365</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	478,780,095
Trích trước chi phí lãi vay	536,497,049	1,208,066,859
Trích trước chi phí phải trả khác	29,428,633	41,132,485
	<u>565,925,682</u>	<u>1,727,979,439</u>

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	15,790,801	13,973,513
Bảo hiểm xã hội	18,070,789	62,824
Bảo hiểm y tế	4,654,477	244,040
Phải trả cổ tức cho cổ đông	290,770,650	-
Phải trả, phải nộp khác	422,228,015	34,510,548
	<u>751,514,732</u>	<u>48,790,925</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	110,000,000,000	-	-	373,063,235	-	9,791,849,734	47,411,939,957	167,576,852,926
Tăng vốn trong năm	89,999,930,000	78,067,482,550	-	-	-	-	-	168,067,412,550
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	42,098,802,890	42,098,802,890
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	17,009,247,915	4,786,410,787	(25,864,107,870)	(4,068,449,168)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(21,999,930,000)	(21,999,930,000)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	(19,885,493,000)	(19,885,493,000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(12,110,636,000)	-	-	-	-	(12,110,636,000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(373,063,235)	-	-	-	(373,063,235)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	2,878,634,209	-	-	-	2,878,634,209
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(11,592,100)	(11,592,100)
Số dư cuối năm trước	199,999,930,000	78,067,482,550	(12,110,636,000)	2,878,634,209	17,009,247,915	14,578,260,521	21,749,619,877	322,172,539,072
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	25,658,907,510	25,658,907,510
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(18,993,273,000)	(18,993,273,000)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	(10,897,159,800)	(10,897,159,800)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(10,800,363,000)	-	-	-	-	(10,800,363,000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(2,878,634,209)	-	-	-	(2,878,634,209)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	(371,219,530)	-	-	-	(371,219,530)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(78,199,202)	(78,199,202)
Số dư cuối năm nay	199,999,930,000	78,067,482,550	(22,910,999,000)	(371,219,530)	17,009,247,915	14,578,260,521	17,439,895,385	303,812,597,841

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của các cổ đông	199,999,930,000	100.00%	199,999,930,000	100.00%
	199,999,930,000	100.00%	199,999,930,000	100.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	199,999,930,000	199,999,930,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>199,999,930,000</i>	<i>110,000,000,000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>-</i>	<i>89,999,930,000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>199,999,930,000</i>	<i>199,999,930,000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29,890,432,800	41,885,423,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước ⁽¹⁾</i>	<i>18,993,273,000</i>	<i>21,999,930,000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay ⁽²⁾</i>	<i>10,897,159,800</i>	<i>19,885,493,000</i>

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/03/2011, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2010 bằng 20% vốn điều lệ, trong đó đã tạm ứng 10% trong năm 2010, phần còn lại chi trả trong năm 2011.

(2) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty ngày 16/06/2011, Công ty công bố việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011 với tỉ lệ 6% vốn điều lệ (01 cổ phiếu được nhận 600 đồng).

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,999,993	19,999,993
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19,999,993	19,999,993
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19,999,993</i>	<i>19,999,993</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1,996,720	870,260
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1,996,720</i>	<i>870,260</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,003,273	19,129,733
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18,003,273</i>	<i>19,129,733</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17,009,247,915	17,009,247,915
Quỹ dự phòng tài chính	14,578,260,521	14,578,260,521
	<u>31,587,508,436</u>	<u>31,587,508,436</u>

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	839,237,256,337	314,225,453,191
Doanh thu bán hàng hóa	605,852,075,977	1,233,194,893,750
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,754,326,328	3,396,340,639
	<u>1,447,843,658,642</u>	<u>1,550,816,687,580</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	799,744,201,857	255,364,346,105
Giá vốn của hàng hóa đã bán	550,444,351,882	1,200,660,509,021
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	978,928,713	988,891,664
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12,932,572,707	-
	<u>1,364,100,055,159</u>	<u>1,457,013,746,790</u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	2,783,504,597	1,394,382,936
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1,039,371,638	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30,500,000	66,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	416,375,013	711,995,183
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	592,991,574
	<u>4,269,751,248</u>	<u>2,765,369,693</u>

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	28,138,925,529	20,398,324,097
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	703,340,000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4,609,554,732	3,984,403,226
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	420,270,000	312,130,000
Chi phí tài chính khác	5,311,186,334	1,555,595,372
	<u>39,183,276,595</u>	<u>26,250,452,695</u>

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	33,228,254	87,093,797
Chi phí nhân công	1,809,917,669	1,298,177,901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	178,823,516	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,997,324,782	1,213,133,337
Chi phí khác bằng tiền	410,829,123	338,637,809
	<u>4,430,123,344</u>	<u>2,937,042,844</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	650,570,576	1,423,261,437
Chi phí nhân công	7,321,367,761	5,556,448,537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,999,486,070	1,603,594,277
Thuế, phí, lệ phí	24,042,871	214,531,998
Chi phí dự phòng	-	167,131,138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,376,304,910	1,143,007,379
Chi phí khác bằng tiền	1,390,438,767	960,995,046
	12,762,210,955	11,068,969,812

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	90,909,091	316,545,455
Thu nhập từ bồi thường vi phạm hợp đồng	699,347,340	-
Thu nhập khác	224,780,068	89,673,949
	1,015,036,499	406,219,404

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	131,011,725	236,250,429
Chi phí khác	2,074,444,224	1,518,460,325
	2,205,455,949	1,754,710,754

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**25.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8,601,864,434	14,366,834,272
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi theo giấy Chứng nhận Ưu đãi đầu tư ⁽¹⁾	(2,334,820,962)	(1,580,852,825)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ⁽²⁾	(1,880,113,041)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4,386,930,431	12,785,981,447

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

(1) Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi đầu tư số 09/UĐĐT-UB ngày 05/03/2004, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đầu tiên (Công ty con có thu nhập chịu thuế từ năm 2007) và chỉ được ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất của Công ty con.

(2) Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên được giảm 30% áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

25.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	458,454,482	1,030,896,104
	458,454,482	1,030,896,104
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	572,441,622	(7,087,623)
	572,441,622	(7,087,623)

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	25,658,907,510	42,098,802,890
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25,658,907,510	42,098,802,890
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	18,481,287	15,344,354
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,388	2,744

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	839,237,256,337	605,852,075,977	2,754,326,328	1,447,843,658,642	-	1,447,843,658,642
Chi phí trực tiếp	801,314,324,712	561,806,801,734	978,928,713	1,364,100,055,159	-	1,364,100,055,159
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37,922,931,625	44,045,274,243	1,775,397,615	83,743,603,483	-	83,743,603,483
Tài sản bộ phận	131,189,496,633	401,452,495,206	-	532,641,991,839	-	532,641,991,839
Tài sản không phân bổ	-	-	-	41,360,207,918	-	41,360,207,918
Tổng tài sản				574,002,199,757	-	574,002,199,757
Nợ phải trả của các bộ phận	521,003,691	101,164,253,697	-	101,685,257,388	-	101,685,257,388
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	158,026,626,013	-	158,026,626,013
Tổng nợ phải trả				259,711,883,401	-	259,711,883,401

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2011</u> VND	<u>Năm 2010</u> VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên	(*)	404,319,762,194	514,907,828,032
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên	(*)	92,890,177,810	454,716,701,200
Lãi cho vay vốn, lãi chậm thanh toán			
- Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên	(*)	462,987,222	1,017,133,334

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2011</u> VND	<u>01/01/2011</u> VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên	(*)	34,096,911,856	30,274,117,698
Phải trả tiền hàng			
- Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên	(*)	5,900,000,001	2,673,698,895

(*) Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên.

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Hiền
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2012